

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động đầu khí

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 124/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động đầu khí;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động đầu khí.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động đầu khí gồm: chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư trong hoạt động

dầu khí (sau đây gọi là chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư); việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài trước và sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài; đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối của các nhà đầu tư sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài; chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận, thu nhập hợp pháp ở nước ngoài về Việt Nam trong hoạt động dầu khí.

2. Các quy định về quản lý ngoại hối đối với đầu tư dự án dầu khí ra nước ngoài theo hình thức quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhà đầu tư bao gồm người cư trú là tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng) và người cư trú là cá nhân thực hiện đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí theo các hình thức quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 52 của Luật Đầu tư (sau đây gọi là “nhà đầu tư”).

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép là các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước).

2. Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài (sau đây gọi là tài khoản vốn đầu tư) là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ hoặc tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư mở tại tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam sau khi dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí để thực hiện các giao dịch thu, chi theo quy định tại Thông tư này.

3. Tài khoản ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí (sau đây gọi là tài khoản ngoại tệ trước đầu tư) là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư mở tại tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam để chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 5 Nghị định 124/2017/NĐ-CP ngày 15/11/2017 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí (sau đây gọi là Nghị định 124/2017/NĐ-CP).

4. Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí là việc nhà đầu tư thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước các

thông tin về nhà đầu tư, vốn đầu tư, tài khoản vốn đầu tư mở tại tổ chức tín dụng được phép để thực hiện hoạt động đầu tư tại nước ngoài trong hoạt động dầu khí và tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài theo quy định tại Điều 21 Nghị định 124/2017/NĐ-CP và Thông tư này.

5. Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí là việc nhà đầu tư thực hiện đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Nghị định 124/2017/NĐ-CP và Thông tư này.

6. Xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí là việc Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận nhà đầu tư đã thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí theo quy định tại Nghị định 124/2017/NĐ-CP và Thông tư này.

7. Xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí là việc Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận nhà đầu tư đã thực hiện đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí theo quy định tại Nghị định 124/2017/NĐ-CP và Thông tư này.

Điều 4. Đồng tiền sử dụng để đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí

Đồng tiền sử dụng để đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí bao gồm:

1. Ngoại tệ trên tài khoản tại tổ chức tín dụng được phép hoặc mua tại tổ chức tín dụng được phép hoặc ngoại tệ từ nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Đồng Việt Nam trong trường hợp chuyển vốn đầu tư sang quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư mà Việt Nam và quốc gia, vùng lãnh thổ đó có ký kết thỏa thuận, hiệp định song phương, đa phương quy định về việc cho phép sử dụng đồng Việt Nam trong các giao dịch thanh toán, chuyển tiền.

Chương II

CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI TRƯỚC ĐẦU TƯ

Điều 5. Nguyên tắc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư

1. Nhà đầu tư được chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để nghiên cứu thị trường, tìm kiếm cơ hội và chuẩn bị đầu tư trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký

đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 5 Nghị định 124/2017/NĐ-CP.

2. Việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư của nhà đầu tư phải được thực hiện thông qua tài khoản ngoại tệ trước đầu tư quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư này.

3. Hạn mức chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 5 Nghị định 124/2017/NĐ-CP của một dự án là tổng số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước đầu tư của dự án đó. Trường hợp dự án đầu tư ở nước ngoài có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, hạn mức chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư là tổng số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài của các nhà đầu tư tham gia dự án đó.

4. Tổng số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước đầu tư và số tiền đăng ký chuyển ra nước ngoài sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí của mỗi dự án không vượt quá tổng vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền của dự án đó theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Trường hợp dự án đầu tư ở nước ngoài có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, tổng số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước đầu tư và số tiền đăng ký chuyển ra nước ngoài sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của mỗi nhà đầu tư không vượt quá tỷ lệ phần vốn góp của nhà đầu tư đó theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

5. Trường hợp không hình thành dự án đầu tư, dự án đầu tư ra nước ngoài không tiếp tục triển khai hoặc không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư phải thực hiện chuyển số ngoại tệ đã chuyển ra nhưng chưa sử dụng hết về Việt Nam (nếu có), sau đó phải đóng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư.

6. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, mục đích và hiệu quả của số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước đầu tư.

Điều 6. Nguyên tắc chấp thuận việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư

1. Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư với Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) theo trình tự, thủ tục và hồ sơ quy định tại Điều 7 Nghị định 124/2017/NĐ-CP. Trường hợp dự án đầu tư có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, mỗi nhà đầu tư thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư với Ngân hàng Nhà nước. Văn bản đề nghị chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư cho nhà đầu tư theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Ngân hàng Nhà nước xác nhận số ngoại tệ đã chuyển ra nước ngoài trước đầu tư cho nhà đầu tư tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Điều 7. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư

1. Nhà đầu tư chỉ được mở 01 (một) tài khoản ngoại tệ trước đầu tư tại 01 (một) tổ chức tín dụng được phép trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp dự án đầu tư ở nước ngoài có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, mỗi nhà đầu tư phải mở 01 (một) tài khoản ngoại tệ trước đầu tư riêng biệt tại cùng 01 tổ chức tín dụng được phép để thực hiện việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư.

2. Nhà đầu tư chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước đầu tư cho nhiều dự án đầu tư ở nước ngoài phải mở tài khoản ngoại tệ trước đầu tư riêng biệt cho từng dự án.

3. Sau khi dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, tài khoản ngoại tệ trước đầu tư quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải được sử dụng làm tài khoản vốn đầu tư.

4. Nhà đầu tư khi thay đổi tài khoản ngoại tệ trước đầu tư bằng loại ngoại tệ khác hoặc thay đổi tổ chức tín dụng được phép nơi mở tài khoản ngoại tệ trước đầu tư phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Mở tài khoản ngoại tệ trước đầu tư bằng loại ngoại tệ khác hoặc tại tổ chức tín dụng được phép khác;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày mở tài khoản ngoại tệ trước đầu tư bằng loại ngoại tệ khác, nhà đầu tư phải chuyển đổi toàn bộ số dư ngoại tệ trên tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã mở trước đây sang loại ngoại tệ mới và chuyển sang tài khoản ngoại tệ trước đầu tư mới, đồng thời đóng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã mở trước đây. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày mở tài khoản ngoại tệ trước đầu tư tại tổ chức tín dụng được phép khác, nhà đầu tư phải chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã mở trước đây sang tài khoản mới, đồng thời đóng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã mở trước đây;

c) Nhà đầu tư chỉ được thực hiện các giao dịch thu, chi trên tài khoản ngoại tệ trước đầu tư mới mở sau khi đã đóng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã mở trước đây (trừ giao dịch nhận số dư chuyển từ tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã

mở trước đây và giao dịch nhận số dư ngoại tệ mới được chuyển đổi từ số dư ngoại tệ trên tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đã mở trước đây trong trường hợp thay đổi tài khoản ngoại tệ trước đầu tư bằng loại ngoại tệ khác);

d) Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục nêu tại điểm a, b khoản này, nhà đầu tư thực hiện thông báo cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) về việc thay đổi tài khoản ngoại tệ trước đầu tư đối với các trường hợp phải xin chấp thuận chuyển ngoại tệ trước đầu tư quy định tại Điều 6 Thông tư này.

5. Mọi giao dịch thu, chi theo quy định tại Điều 8 Thông tư này phải được thực hiện thông qua tài khoản ngoại tệ trước đầu tư.

6. Thủ tục mở, đóng tài khoản ngoại tệ trước đầu tư thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Điều 8. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản ngoại tệ trước đầu tư

1. Các giao dịch thu:

a) Thu chuyển khoản từ tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư;

b) Thu ngoại tệ mua từ tổ chức tín dụng được phép phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Thu chuyển ngoại tệ về Việt Nam trong trường hợp nhà đầu tư không sử dụng hết số tiền chuyển ra nước ngoài để nghiên cứu thị trường, tìm kiếm cơ hội và chuẩn bị đầu tư trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 5 Nghị định 124/2017/NĐ-CP hoặc được bên nước ngoài hoàn lại các khoản chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài trong hoạt động đầu khí;

d) Thu chuyển số dư ngoại tệ trong trường hợp thay đổi tài khoản ngoại tệ trước đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này;

đ) Các giao dịch thu ngoại tệ khác liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

2. Các giao dịch chi:

a) Chi chuyển ngoại tệ ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 5 Nghị định 124/2017/NĐ-CP;

b) Chi bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép;

c) Chi chuyển khoản vào tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư.

Chương III

MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 9. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư

1. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư phải mở 01 (một) tài khoản vốn đầu tư bằng 01 (một) loại ngoại tệ phù hợp với nhu cầu chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động đầu khí tại 01 (một) tổ chức tín dụng được phép (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này). Mọi giao dịch thu, chi theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư này phải được thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư.

2. Trường hợp chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam, nhà đầu tư được mở và sử dụng đồng thời 01 (một) tài khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam và 01 (một) tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ tại 01 (một) tổ chức tín dụng được phép.

3. Nhà đầu tư có nhiều dự án đầu tư ở nước ngoài phải mở tài khoản vốn đầu tư riêng biệt cho từng dự án.

4. Trường hợp dự án đầu tư ở nước ngoài có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, mỗi nhà đầu tư phải mở tài khoản vốn đầu tư riêng biệt để chuyển vốn ra nước ngoài.

5. Nhà đầu tư khi thay đổi tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác hoặc thay đổi tổ chức tín dụng được phép nơi mở tài khoản vốn đầu tư thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Mở tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác hoặc tài khoản vốn đầu tư tại tổ chức tín dụng được phép khác;

b) Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động đầu khí với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định 124/2017/NĐ-CP và Chương IV Thông tư này;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác, nhà đầu tư phải chuyển đổi toàn bộ số dư ngoại tệ trên tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây sang loại ngoại tệ mới và chuyển sang tài khoản vốn đầu tư mới, đồng thời đóng tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư tại tổ chức tín dụng khác, nhà đầu tư phải thực hiện chuyển toàn bộ số dư

của tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây sang tài khoản vốn đầu tư mới, đồng thời đóng tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây;

d) Tài khoản vốn đầu tư mới chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư này sau khi hoàn tất các thủ tục nêu tại điểm a, b, c khoản này (trừ giao dịch nhận số dư chuyển từ tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây và giao dịch nhận số dư ngoại tệ mới được chuyển đổi từ số dư ngoại tệ trên tài khoản vốn đầu tư đã mở trước đây trong trường hợp thay đổi tài khoản vốn đầu tư bằng loại ngoại tệ khác).

6. Thủ tục mở, đóng tài khoản vốn đầu tư thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Điều 10. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư bằng ngoại tệ

1. Các giao dịch thu:

- a) Thu chuyển khoản từ tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư;
- b) Thu ngoại tệ mua từ tổ chức tín dụng được phép phù hợp với quy định của pháp luật để phục vụ đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;
- c) Thu ngoại tệ từ các khoản thu hồi vốn (chi phí) nhà đầu tư được nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 124/2017/NĐ-CP;
- d) Thu chuyển vốn đầu tư về Việt Nam trong trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn đầu tư, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư ở nước ngoài;
- đ) Thu lợi nhuận và các thu nhập hợp pháp chuyển về nước từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;
- e) Thu nợ gốc và lãi của các khoản cho vay của nhà đầu tư đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư trong hoạt động dầu khí ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Thu hồi nợ từ bên được bảo lãnh liên quan đến các khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư trong hoạt động dầu khí ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
- h) Thu chuyển số dư trong trường hợp thay đổi tài khoản vốn đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư này;
- i) Các giao dịch thu hợp pháp khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

2. Các giao dịch chi:

- a) Chi chuyển khoản vốn đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;
- b) Chi cho vay đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài trong hoạt động dầu khí phù hợp với quy định của pháp luật;
- c) Chi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh liên quan đến khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài trong hoạt động dầu khí phù hợp với quy định của pháp luật;
- d) Chi bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép;
- đ) Chi chuyển khoản vào tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư;
- e) Các giao dịch chi hợp pháp khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Điều 11. Các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam

1. Các giao dịch thu:

- a) Thu chuyển khoản từ tài khoản đồng Việt Nam của nhà đầu tư;
- b) Thu nợ gốc và lãi của các khoản cho vay của nhà đầu tư đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài trong hoạt động dầu khí phù hợp với quy định của pháp luật;
- c) Thu hồi nợ từ bên được bảo lãnh liên quan đến các khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài trong hoạt động dầu khí phù hợp với quy định của pháp luật;
- d) Thu hồi vốn bằng đồng Việt Nam (chi phí) nhà đầu tư được nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 124/2017/NĐ-CP;
- đ) Thu chuyển vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam ở nước ngoài về Việt Nam trong trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư ở nước ngoài trong hoạt động dầu khí;
- e) Thu lợi nhuận và thu nhập hợp pháp khác bằng đồng Việt Nam chuyển về nước từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;
- g) Thu chuyển số dư trong trường hợp thay đổi tài khoản vốn đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư này;

h) Các giao dịch thu hợp pháp khác bằng đồng Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

2. Các giao dịch chi:

a) Chi chuyển khoản vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

b) Chi chuyển vào tài khoản đồng Việt Nam của nhà đầu tư;

c) Chi cho vay đối với chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài trong hoạt động dầu khí phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Chi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh liên quan đến khoản bảo lãnh của nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài trong hoạt động dầu khí phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Các giao dịch chi hợp pháp khác bằng đồng Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Chương IV

ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI TRONG HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ

Điều 12. Đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối

1. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư thực hiện đăng ký, đăng ký thay đổi và thông báo khi thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn theo trình tự, thủ tục và hồ sơ quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định 124/2017/NĐ-CP. Trường hợp dự án có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, mỗi nhà đầu tư thực hiện đăng ký, đăng ký thay đổi và thông báo khi thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú.

2. Đơn đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí theo mẫu tại Phụ lục số 03, Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Thẩm quyền xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối

1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí cho nhà đầu tư là tổ chức có trụ sở chính trên cùng địa bàn, cho nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú trên cùng địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục số 05, Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Trường hợp thay đổi liên quan đến nhà đầu tư thực hiện dự án dẫn đến thay đổi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối ban đầu có trách nhiệm:

a) Làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí của nhà đầu tư;

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí của nhà đầu tư, chuyển toàn bộ bản gốc hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi và bản sao hồ sơ đăng ký, hồ sơ đăng ký thay đổi đã thực hiện của nhà đầu tư (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này để tiếp tục xử lý; đồng thời, thông báo với nhà đầu tư về việc chuyển hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí của nhà đầu tư cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có thẩm quyền mới.

Điều 14. Hiệu lực của văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí

1. Văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư; nhà đầu tư rút khỏi dự án đầu tư trong trường hợp dự án có nhiều nhà đầu tư tham gia và đã được cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Trong trường hợp này, nhà đầu tư được tiếp tục sử dụng tài khoản vốn đầu tư để thực hiện giao dịch thu lợi nhuận, các nguồn thu hợp pháp và vốn đầu tư từ nước ngoài để chuyển về Việt Nam.

2. Khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc giả mạo hồ sơ, tài liệu đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí, cơ quan xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí theo quy định tại Điều 13 Thông tư này có văn bản gửi nhà đầu tư và tổ chức tín dụng nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư về việc chấm dứt hiệu lực và lý do chấm dứt

hiệu lực văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Chương V

CHUYỂN LỢI NHUẬN, THU NHẬP HỢP PHÁP VÀ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ Ở NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM

Điều 15. Chuyển lợi nhuận, thu nhập hợp pháp và chuyển vốn đầu tư về Việt Nam

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển lợi nhuận, thu nhập hợp pháp và chuyển vốn đầu tư về nước sau khi thanh lý, chấm dứt, giảm vốn đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư thông qua tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với trường hợp chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 62 Luật Đầu tư, trước khi thực hiện việc chấm dứt dự án và chuyển toàn bộ vốn đầu tư ở nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư phải thông báo với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Điều 16. Sử dụng lợi nhuận ở nước ngoài

1. Nhà đầu tư sử dụng lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư ở nước ngoài để tăng vốn, mở rộng hoạt động đầu tư ở nước ngoài phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư ra nước ngoài và phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh.

2. Trường hợp sử dụng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư trong hoạt động dầu khí khác ở nước ngoài, sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho dự án đầu tư mới, nhà đầu tư phải đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 21 Nghị định 124/2017/NĐ-CP và Chương IV Thông tư này.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 17. Trách nhiệm của nhà đầu tư